

KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH (trang 55-61)

XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI CÁC NHÓM MỎ KHOÁNG SẢN PHỤC VỤ CẤP PHÉP KHAI THÁC

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN, KHƯƠNG THẾ HÙNG, *Trường Đại học Mỏ - Địa chất*

Tóm tắt: *Bất cứ một kiểu phân loại nào đều dựa trên các tiêu chí cụ thể, những tiêu chí đó được xuất phát từ mục đích của việc phân loại. Việc phân chia nhóm mỏ khoáng sản cũng nhằm mục đích để thuận lợi hơn trong quá trình quản lý, có cơ sở khoa học, có tính đến yếu tố công nghệ và môi trường... Một biện pháp khả thi trong cấp phép khai thác khoáng sản là phân chia các nhóm mỏ khoáng sản dựa trên các tiêu chí định giá chúng. Trên cơ sở tham khảo các bảng phân loại nhóm mỏ của Việt Nam và Thế giới, và quán triệt Luật khoáng sản 2010, bài báo đưa ra những tiêu chí cơ bản trong phân chia các nhóm mỏ khoáng làm căn cứ định giá khi cấp phép khai thác và áp dụng thử nghiệm cho một vùng cụ thể của Việt Nam (tỉnh Tuyên Quang). Những tiêu chí đó là điều kiện kinh tế-xã hội, trữ lượng, công dụng của khoáng sản, phương pháp khai thác và giá cả loại khoáng sản trên thị trường. Kết quả nghiên cứu hy vọng sẽ được nhân rộng trên phạm vi cả nước và góp phần điều chỉnh chế tài quản lý tài nguyên khoáng sản, quản lý kỹ thuật khai thác của nước nhà.*

1. Đặt vấn đề

Tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển kinh tế của xã hội loài người, tuy nhiên nó là hữu hạn và sẽ mất đi hoặc biến đổi sau quá trình sử dụng, cạn kiệt dần trong quá trình khai thác. Trên thế giới, một số nước như Indonesia, một số tỉnh giàu tài nguyên lại là những tỉnh nghèo nhất. Việt Nam cũng vậy, một số địa phương như Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang dù giàu tài nguyên nhưng đời sống dân địa phương chỉ ở mức yếu kém. Thế nhưng, những nước như Mỹ, Canada, Nam Phi, Australia, Na Uy,... thì họ lại làm giàu từ chính nguồn tài nguyên của mình. Nguyên nhân của vấn đề trên đã được đưa ra bàn thảo trong nhiều phiên kỳ họp Quốc hội Việt Nam và được cho là do cơ chế quản lý. Trước sự gia tăng các dự án khai thác khoáng sản những năm qua, các nhà quản lý thường đưa ra 2 lý do: Quyền cấp phép khai thác khoáng sản được phân mạnh cho chính quyền cấp tỉnh và thuế tài nguyên được điều tiết cho ngân sách địa phương. Vì thế, với mục tiêu đẩy mạnh tăng trưởng, nhiều địa phương đã ồ ạt cấp phép khai thác khoáng sản. Theo kết quả thống kê gần đây của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chỉ trong vòng 4 năm gần đây, các địa phương đã cấp trên 4000 giấy phép khai thác khoáng sản, trong khi chỉ có 100

dự án do cấp Bộ quản lý được cấp phép. Đơn cử, tại tỉnh Hà Giang hiện đã có gần 100 tổ chức, cá nhân được tỉnh cấp phép hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; 22 dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng mới có 13 mỏ đi vào hoạt động. Có tới 20 doanh nghiệp được cấp giấy phép đã quá 12 tháng vẫn chưa hoàn thiện các thủ tục theo quy định. Theo ông Nghiêm Vũ Khải (phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Công nghệ - Môi trường của Quốc hội) cho biết “Người ta đổ xô, tranh giành khai thác tài nguyên là còn do cơ quan thuế đánh thuế thấp và quản lý thuế tài nguyên không chặt chẽ, gây lãng phí, thất thoát tài nguyên, thất thoát thuế, làm phát sinh những tiêu cực, tệ nạn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Vì thuế thấp, người ta khai thác kiểu gì cũng có lãi, cứ moi lên bán là có lãi. Điều này còn làm phát sinh nạn xin được mỏ rồi bán trao tay, kiếm vài tỷ đồng quá đơn giản...”. Dự án khai thác quặng đa kim Núi Pháo (Thái Nguyên) là một ví dụ điển hình, đây là dự án khai thác khoáng sản có vốn FDI lớn nhất cả nước, nhưng đã chậm tiến độ tới 5 năm, gây thiệt hại nhiều về kinh tế và bức xúc trong dư luận.

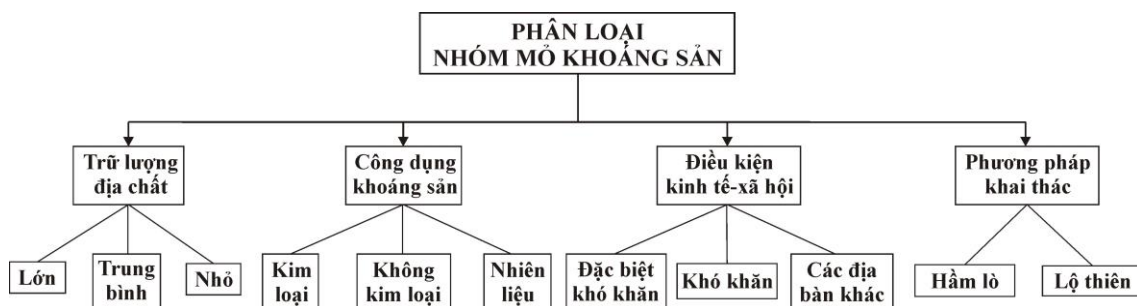
Từ thực tiễn cho thấy việc cấp phép thăm dò và khai thác theo cơ chế “xin - cho” như trước đến nay không những gây thất thu một số tiền

lớn cho ngân sách nhà nước mà làm cho công tác quản lý hoạt động khoáng sản không có hiệu quả. Trước tình hình đó, việc đề xuất xây dựng các tiêu chí phân loại nhóm mỏ khoáng sản để phục vụ cấp phép khai thác là rất cần thiết. Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động, chúng ta "vừa phát huy nội lực vừa hội nhập quốc tế", luật khoáng sản được Quốc Hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2010 tại điểm a khoản 2 điều 55 đã quán triệt sâu sắc tư tưởng đó. Luật nêu rõ nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân khai thác khoáng sản phải "nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo qui định

của pháp luật". Để có thể thực hiện được những điều nêu trên thì vấn đề quan trọng hàng đầu đó là phân chia các nhóm mỏ khoáng sản theo các tiêu chí phù hợp làm cơ sở cho việc định giá khi cấp phép khai thác.

2. Một số tiêu chí phân chia nhóm mỏ khoáng sản trên Thế giới và Việt Nam

Hiện nay, trên thế giới và Việt Nam đang tồn tại một số bảng phân chia nhóm mỏ khoáng sản khác nhau. Bài viết tập trung phân tích sự khác nhau về cơ sở phân chia nhóm mỏ cũng như ưu nhược điểm của từng cách phân chia. Trên cơ sở đó, nghiên cứu dự thảo phân chia nhóm mỏ theo tiêu chí giá trị khoáng sản.



Hình 1. Sơ đồ phân chia nhóm mỏ khoáng sản theo một số tiêu chí khác nhau

Việc phân loại mỏ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Các tiêu chí lựa chọn phải có tính phân loại, tính kinh tế, tính khu vực, tính pháp luật, an toàn tuyệt đối cho hoạt động khai thác, bảo vệ tốt được cảnh quan môi trường.

- Các tiêu chí phân loại phải phản ánh tương đối đầy đủ nội dung về bản chất khoáng sản, quy mô mỏ, về giá trị kinh tế, mức độ tiên tiến của công nghệ khai thác theo điều kiện và đặc điểm hiện tại của Việt Nam.

- Tiêu chí xây dựng được lựa chọn dùng để phân loại phải đơn giản dễ thực hiện trong thực tế, nhờ đó việc lựa chọn áp dụng sẽ thuận lợi, có tính khả thi cao. Cũng từ đó tăng cường công tác quản lý nhà nước về cấp phép khai thác, bảo vệ môi trường chặt chẽ hơn trong lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản.

Theo tiêu chí quy mô (trữ lượng) các loại mỏ khoáng sản: Độ lớn của mỏ trước tiên là do trữ lượng nguyên liệu khoáng quyết định. Để so

sánh các mỏ chỉ cần đưa ra đại lượng tương đối về trữ lượng, quy mô của mỏ là đủ. So sánh mỏ về trữ lượng chỉ có ý nghĩa khi so sánh các mỏ của cùng một loại khoáng sản nào đó. V. I. Kraxnikov chia các mỏ khoáng sản thành các loại: nhỏ, trung bình, lớn và khổng lồ. Nhằm chi tiết hóa cách phân loại này và tạo điều kiện áp dụng thuận lợi hơn ở Việt Nam, năm 2002 Trần Văn Trị cùng đồng nghiệp đã xây dựng bảng phân loại chi tiết các mỏ khoáng sản dựa trên trữ lượng và tài nguyên của chúng. Theo tiêu chí này mỏ khoáng sản được chia ra các mỏ lớn, trung bình và nhỏ.

Theo tiêu chí công dụng của khoáng sản:

Như chúng ta đã biết, với mỗi một loại khoáng sản chúng cho phép sử dụng với những mục đích và hiệu quả khác nhau. Do vậy, dựa trên cơ sở đặc thù này khoáng sản được phân ra các nhóm.

a. Nhóm khoáng sản kim loại

- Khoáng sản kim loại đen (sắt, mangan, titan,...)

- Khoáng sản kim loại màu: Vàng, bạc; bạch kim, thiếc, vonfram, bạc, antimon; chì, kẽm, nhôm, bauxit, đồng, niken, coban, molipden, thủy ngân, magie, vanadi, platin; các khoáng sản kim loại màu khác.

b. Nhóm khoáng sản không kim loại: đất làm gạch, đất khai thác san lấp, xây dựng công trình, đất khai thác sử dụng cho các mục đích khác; đá, cát, sỏi, than, đá quý,... nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

c. Nhóm khoáng sản nhiên liệu: dầu mỏ, khí đốt, than.

Theo tiêu chí điều kiện kinh tế - xã hội:

Việt Nam là một đất nước có hình chữ “S” kéo dài từ Bắc tới Nam với độ cao giảm dần, độ cao cao nhất là khoảng 3000m (đỉnh Phan Si Pan) và thấp nhất vào khoảng 10m (đồng bằng Sông Cửu Long). Do vậy, đất nước chúng ta có đầy đủ các dạng địa hình từ vùng núi cao đến đồng bằng và tất nhiên dưới ảnh hưởng ưu đãi khác nhau về địa lý cũng tạo nên sự phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội giữa các vùng miền. Theo các đặc trưng đó các mỏ khoáng sản được phân ra 3 nhóm.

- Nhóm mỏ có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (hệ số khó khăn chọn $K_2=0,5$).

- Nhóm mỏ có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (hệ số khó khăn chọn $K_2=0,7$).

- Nhóm mỏ ở các địa bàn còn lại (hệ số khó khăn chọn $K_2=1,0$).

Theo tiêu chí phương pháp khai thác:

phân ra các nhóm sau.

- Nhóm mỏ khai thác bằng phương pháp lộ thiên (hệ số khai thác chọn $K_1 \geq 0,9$): Sử dụng các thông số về kích thước không gian của khai trường mỏ lộ thiên, chiều sâu khai thác, thời gian khai thác, tổng khối lượng mỏ.

- Nhóm mỏ khai thác bằng phương pháp hầm lò (hệ số khai thác chọn $K_1 \geq 0,6$).

Nói chung, mỗi một cách phân loại nhóm mỏ đều thể hiện những mặt ưu nhược điểm của nó, tuy nhiên chúng đều chỉ phản ánh dựa trên một tiêu chí, một phương diện nào đó của mỏ khoáng mà chưa đánh giá được giá trị tổng hợp

của chúng. Ví dụ một mỏ có thể có trữ lượng rất lớn, hàm lượng thành phần có ích cao nhưng nằm ở sâu hoặc ngay trên mặt và ở vị trí địa lý cực kỳ khó khăn thì nó được phân loại như thế nào?.

Trên cơ sở các căn cứ của Luật khoáng sản 2010, Luật số 60/2010/QH12; Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13-05-2008 của chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Đơn giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban cấp tỉnh soạn thảo và ban hành; Dự thảo lần thứ 4 “Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật khoáng sản” của Chính phủ Việt Nam ban hành tháng 6 năm 2011; cho thấy tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phụ thuộc vào: giá bán đơn vị khoáng sản nguyên khai, trữ lượng địa chất đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt, phương pháp khai thác, điều kiện kinh tế - xã hội, và theo mục đích sử dụng của khoáng sản. Do vậy, nhằm đánh giá đầy đủ và mang tính hợp nhất các điều kiện, tiêu chí cho mỏ khoáng cũng như quán triệt theo Luật khoáng sản, chúng tôi đề xuất lựa chọn các tiêu chí phân chia nhóm mỏ giá trị khoáng sản như sau:

1. Điều kiện kinh tế - xã hội.
2. Trữ lượng địa chất.
3. Công dụng của khoáng sản.
4. Phương pháp khai thác.
5. Giá cả loại khoáng sản trên thị trường.

3. Xây dựng nhóm mỏ theo tiêu chí giá trị khoáng sản

Phân chia nhóm mỏ theo tiêu chí giá trị khoáng sản cho thấy tính ưu việt của nó trong việc đánh giá tổng hợp khá đầy đủ các tiêu chí phân loại của mỏ khoáng, đồng thời thực thi những chủ trương đường lối của Luật khoáng sản ban hành năm 2010 trong việc định thuế tài nguyên. Khi tiến hành phân chia nhóm mỏ theo tiêu chí giá trị sẽ nâng cao tầm quan trọng trong việc đánh giá đúng các tiêu chí phân loại mỏ khoáng. Tuy nhiên, kết quả tính toán trữ lượng đôi khi phụ thuộc vào độ chính xác của công tác thăm dò và giá cả loại khoáng sản lại thay đổi theo thời gian. Để phương pháp phân loại nhóm mỏ giá trị khoáng sản thực sự có tính thực tiễn cần có những biện pháp hỗ trợ bổ sung. Đã có ý

kiến cho rằng nên thành lập một Trung tâm kiểm định chất lượng của công tác thăm dò (trung tâm này làm việc độc lập với Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản), giá khoáng sản nên xác định theo giá trị hiện tại thực NPV (giá trị có tính đến yếu tố thời gian).

Căn cứ phân chia nhóm mỏ giá trị khoáng sản được xác định dựa vào:

- Giá tính thuế tài nguyên theo qui định của pháp luật về thuế tài nguyên, đồng/(tấn, m³, kg,...).

- Sự cố gắng kết hợp các tiêu chí nhóm mỏ phân chia đã và đang hiện hành.

- Thực hiện chủ trương đường lối của luật khoáng sản năm 2010.

Luật thuế tài nguyên do Quốc hội ban hành theo quyết định 45/2009/QH12 ở chương II, điều 6 có nêu:

1. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Trường hợp tài nguyên chưa xác định được giá bán thì giá tính thuế tài nguyên được xác định theo một trong những căn cứ sau:

a) Giá bán thực tế trên thị trường khu vực của đơn vị sản phẩm tài nguyên cùng loại nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định;

b) Trường hợp tài nguyên khai thác có chứa nhiều chất có ích khác nhau thì giá tính thuế xác định theo giá bán đơn vị của từng chất và hàm lượng của từng chất trong tài nguyên khai thác nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

c) Đối với dầu thô, khí thiên nhiên, khí than là giá bán tại điểm giao nhận. Điểm giao nhận là điểm được thỏa thuận trong hợp đồng dầu mà ở đó dầu thô, khí thiên nhiên, khí than được chuyển giao quyền sở hữu cho các bên tham gia hợp đồng dầu khí. Do vậy, trong phạm vi bài báo này chúng tôi không đề cập đến giá cấp phép khai thác cho các loại hình này.

Hiện nay, chính phủ chưa ban hành bảng định giá thuế tài nguyên chung cho tất cả các loại hình khoáng sản trên cả nước mà thuế tài nguyên được xác định theo giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tính toán quy định phù hợp với thực tế của từng địa phương. Để tiến hành định giá thuế tài nguyên trong bài viết này, tác giả xây dựng bảng tính cụ thể cho tỉnh Tuyên Quang, nơi có mặt khá đầy đủ các loại hình khoáng sản của Việt Nam, ngoài ra có tham khảo thêm đơn giá trên một số địa bàn lân cận.

Theo các tiêu chí phân loại nhóm mỏ giá trị khoáng sản nêu trên, chúng tôi tiến hành xây dựng bảng xác định giá cấp phép khai thác theo nhóm mỏ bởi sự cố gắng kết hợp tất cả những tiêu chí (bảng 1).

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (T) được xác định như sau

$$T = G \times (Q \times K_1) \times K_2 \times R, \text{ đồng} \quad (1)$$

Trường hợp thành phần có ích với hàm lượng thay đổi, các khoáng sản được qua chế biến sâu nhằm nâng cao chất lượng thì tiền cấp quyền khai thác thành phần có ích trong mỏ (T_p) được xác định như sau:

$T_p = G \times (Q \times K_1) \times C \times K_2 \times R, \text{ đồng} \quad (2)$
trong đó: Q - trữ lượng mỏ khoáng sản được lấy theo số liệu tổng hợp của Dự thảo hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản lần 4; G - giá thuế tài nguyên, xác định như đã đề cập trên; K₁ - hệ số phương pháp khai thác (lộ thiên K₁=0,9; hầm lò K₁=0,6); K₂ - hệ số khó khăn khu vực (rất khó khăn K₂=0,5; khó khăn K₂=0,7; địa bàn khác K₂=1,0); R - hệ số giá trị xác định theo vùng miền (%); C - hàm lượng hợp phần có ích (% , g/tấn).

Ví dụ: Giá thuế tài nguyên 1 tấn quặng mangan lộ thiên là 400.000 đồng/tấn, trữ lượng 200.000 tấn, hệ số giá trị R=3(%) tính cho vùng Hà Giang (đặc biệt khó khăn) thì giá cấp phép khai thác mỏ quặng mangan tối đa là:
 $400.000 \times (200.000 \times 0,9) \times 0,5 \times 0,03 = 1.080.000.000 \text{ đồng} = 1.080 \text{ triệu đồng}$ (chi tiết tham khảo bảng 1).

Bảng 1. Bảng xác định giá tiền khi cấp phép khai thác mỏ khoáng sản theo phân loại nhóm mỏ giá trị khoáng sản

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Trữ lượng (tấn, m ³ , kg)	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)	Giá trị hệ số R (%)	Giá cấp phép khai thác tối đa (ngàn đồng)					
						Khai thác lộ thiên			Khai thác hầm lò		
						Đặc biệt khó khăn	Khó khăn	Còn lại	Đặc biệt khó khăn	Khó khăn	Còn lại
I	Khoáng sản kim loại										
1	Quặng mangan	Tấn	200 000	400 000	3	1 080 000	1 512 000	2 160 000	720 000	1 008 000	1 440 000
2	Quặng sắt	Tấn	200 000	310 000	3	837 000	1 171 800	1 674 000	558 000	781 200	1 116 000
3	Quặng chì	Tấn	2 500	3 000 000	3	101 250	141 750	202 500	67 500	94 500	135 000
4	Quặng kẽm	Tấn	2 500	3 000 000	3	101 250	141 750	202 500	67 500	94 500	135 000
5	Quặng đồng	Tấn	5 000	900 000	3	60 750	85 050	121 500	40 500	56 700	81 000
6	Quặng bô xít	Tấn	10 500 000	250 000	3	35 437 500	49 612 500	70 875 000	23 625 000	33 075 000	47 250 000
7	Quặng thiếc	Tấn	100	65 000 000	2	58 500	81 900	117 000	39 000	54 600	78 000
8	Quặng cromit	Tấn	40 000	500 000	3	270 000	378 000	540 000	180 000	252 000	360 000
9	Khoáng sản kim loại khác	Tấn	10 600	650 000	3	93 015	130 221	186 030	62 010	86 814	124 020
II	Khoáng sản không kim loại										
1	Đá:										
a	Đá ốp , làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa,...)	m ³	500 000	500 000	3	3 375 000	4 725 000	6 750 000	2 250 000	3 150 000	4 500 000
b	Quặng đá quý (rubi, saphia, emorôt, alexandrit, opan quý, a dit, pyrôp, berin, spinen, toopaz, thạch anh tinh thể,...)	Tấn	0.5	120 000 000	2	540	756	1080	360	504	720
c	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	1 500 000	60 000	5	2 025 000	2 835 000	4 050 000	1 350 000	1 890 000	2 700 000
d	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp,...)	m ³	20 000 000	60 000	3	16 200 000	22 680 000	32 400 000	10 800 000	15 120 000	21 600 000

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Trữ lượng (tấn, m ³ , kg)	Giá tính thuế tài nguyên (đồng)	Giá trị hệ số R (%)	Giá cấp phép khai thác tối đa (ngàn đồng)					
						Khai thác lộ thiên			Khai thác hầm lò		
						Đặc biệt khó khăn	Khó khăn	Còn lại	Đặc biệt khó khăn	Khó khăn	Còn lại
2	Fenspat	m ³	50 000	120 000	3	81 000	113 400	162 000	54 000	75 600	108 000
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	50 000	70 000	3	47 250	66 150	94 500	31 500	44 100	63 000
4	Cát:										
a	Cát vàng (cát xây tô)	m ³	100 000	36 000	4	64 800	90 720	129 600	43 200	60 480	86 400
b	Cát thủy tinh	m ³	100 000	36 000	4	64 800	90 720	129 600	43 200	60 480	86 400
5	Đất:										
a	Đất sét, làm gạch, ngói	m ³	50 000	12 000	5	13 500	18 900	27 000	9 000	12 600	18 000
b	Đất làm cao lanh	m ³	50 000	50 000	3	33 750	47 250	67 500	22 500	31 500	45 000
6	Sa khoáng titan (ilmenit)	Tấn	20 000	1 200 000	3	324 000	453 600	648 000	216 000	302 400	432 000
7	Quặng apatit	Tấn	1 000 000	800 000	3	10 800 000	15 120 000	21 600 000	7 200 000	10 080 000	14 400 000
III	Khoáng sản nhiên liệu										
1	Than:										
a	Than đá	Tấn	1 000 000	300 000	2	2 700 000	3 780 000	5 400 000	1 800 000	2 520 000	3 600 000
b	Than bùn	Tấn	1 000 000	300 000	3	4 050 000	5 670 000	8 100 000	2 700 000	3 780 000	5 400 000
c	Các loại than khác	Tấn	1 000 000	300 000	2	2 700 000	3 780 000	5 400 000	1 800 000	2 520 000	3 600 000
2	Dầu mỏ	Theo hợp đồng									
3	Khí đốt	Theo hợp đồng									

4. Kết luận và kiến nghị

Phương pháp phân chia nhóm mỏ theo tiêu chí giá trị khoáng sản đã thể hiện được tính mềm dẻo trong định giá cấp phép khai thác. Những điểm cơ bản của định giá cấp phép khai thác mỏ khoáng sản là dựa trên số trữ lượng, phương pháp khai thác, điều kiện kinh tế-xã hội và giá khoáng sản trên thị trường. Có thể nói cách phân loại này là cơ sở cho việc đấu giá thăm dò, đấu giá khai thác mỏ khoáng sản theo cơ chế thị trường, đây là phương thức tốt nhất mang lại giá trị kinh tế - tài chính cho doanh nghiệp khai thác khoáng sản, giá trị kinh tế - xã hội cho địa phương, vùng và cho quốc gia. Tuy nhiên, để kết quả tính toán đảm bảo độ tin cậy và sát với thực tế chúng ta cần tính đến hệ số an toàn trong tính trữ lượng, và giá tính thuế tài nguyên khoáng sản cần dựa trên giá trị hiện tại thực NPV.

Từ tính thực tiễn nghiên cứu, tác giả đề xuất các kiến nghị như sau:

- Cần nhân rộng mô hình phân loại này (áp dụng cho Tuyên Quang) chung cho tất cả tỉnh thành trên cả nước. Kết quả phân loại nhóm mỏ giá trị của bài viết có thể dùng làm cơ sở để điều chỉnh chế tài quản lý tài nguyên khoáng sản của nhà nước, quản lý kỹ thuật khai thác cũng như các lĩnh vực quản lý khác đối với các mỏ nhỏ nhằm đưa hoạt động khai thác các mỏ

nhỏ vào nề nếp, có hiệu quả; hạn chế các bất cập hiện nay.

- Các khu vực khoáng sản có quy mô nhỏ, điều kiện tự nhiên quá phức tạp, chất lượng khoáng thấp; nhu cầu thực tế với khoáng sản đó không gay gắt thì không đầu tư khai thác thời gian hiện tại mà quy hoạch vào khoáng sản dự phòng cho tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đồng Văn Nhi (chủ biên), Trương Xuân Luận, Nguyễn Tiến Dũng, 2002. Giáo trình phương pháp đánh giá kinh tế địa chất và tài nguyên khoáng. Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 194 trang.
- [2]. Lawrence, R. D., 1998. Valuation of Mineral Assets: An Overview. Paper presented as part of a course offered by the Geological Association of Canada and the Prospectors and Developers Association of Canada, 10p.
- [3]. Luật khoáng sản của Quốc hội Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2010, Luật số 60/2010/QH12.
- [4]. Trần Văn Trị & Vũ Khúc (chủ biên), 2009. Địa chất và tài nguyên Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội, 590 trang.
- [5]. Wellmer, F. W., Dalheimer, M., Wagner, M., 2008. Economic Evaluations in Exploration. Springer Berlin Heidelberg New York, 263p.

SUMMARY

Construction criteria for classification of mine groups what attend to issue mining exploitation license

Nguyen Thi Kim Ngan, Khuong The Hung, University of Mining and Geology

At any classification tables are often based on particular criterias which are emitted for the purposes of classification. The mineral deposits classification is also got the purpose of managed process easier than, and bearing-scientific, technology and environment, etc. A potential method in mining license is devised mine groups what based on criteria of setting prices on them. Based on consult the classification tables of mine groups of Vietnam and other, and grasp thoroughly the Vietnam 2010 Mineral Law, the paper point to the essential criteria division of mine groups what for basis to set a price on mining license and applying for particular region of Vietnam (Tuyen Quang province). They are economic-society conditions, mineral resource, mineral purposes, exploited methods, and marked requirement of mineral price. Results of the research are going to apply in whole area of Vietnam and also takes part in correction of the mineral reserves policy and exploited technology of the country.